

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
1	TA0001	4.5	4.5	3	3.5	4	Bậc 3
2	TA0002	6.5	6.5	7	7	7	Bậc 4
3	TA0003	2.5	3	5	3.5	3.5	Không Xét
4	TA0004	4.5	5.5	2.5	3.5	4	Bậc 3
5	TA0005	7.5	8	8	7.5	8	Bậc 4
6	TA0006	8.5	7	7.5	7.5	7.5	Bậc 4
7	TA0007	5.5	8	5.5	4.5	6	Bậc 4
8	TA0008	3.5	5	2	3	3.5	Không Xét
9	TA0009	3.5	6	5.5	6	5.5	Bậc 3
10	TA0010	3	3.5	2	2	2.5	Không Xét
11	TA0012	5	6	7	4.5	5.5	Bậc 3
12	TA0013	7	8	4	7	6.5	Bậc 4
13	TA0014	3.5	4.5	6.5	4	4.5	Bậc 3
14	TA0015	5	4.5	5.5	3.5	4.5	Bậc 3
15	TA0016	3.5	3	6	3.5	4	Bậc 3
16	TA0017	4.5	2.5	3	2.5	3	Không Xét
17	TA0018	8	7	3.5	2.5	5.5	Bậc 3
18	TA0019	5.5	6.5	4.5	5	5.5	Bậc 3
19	TA0020	7	6.5	7.5	6.5	7	Bậc 4
20	TA0021	4	4.5	6.5	4.5	5	Bậc 3
21	TA0022	3.5	4.5	2	3	3.5	Không Xét
22	TA0023	6.5	7.5	6	8	7	Bậc 4
23	TA0024	4	5	3.5	2	3.5	Không Xét
24	TA0025	9	8.5	8	5	7.5	Bậc 4
25	TA0026	5	8	7	7	7	Bậc 4
26	TA0027	3	4.5	5.5	4.5	4.5	Bậc 3
27	TA0028	2	6	4.5	3.5	4	Bậc 3
28	TA0029	2.5	4.5	4.5	2	3.5	Không Xét
29	TA0030	3.5	5	2	2.5	3.5	Không Xét
30	TA0031	4.5	6.5	7.5	6.5	6.5	Bậc 4
31	TA0032	8.5	9	7	7	8	Bậc 4
32	TA0033	6.5	8	5	6.5	6.5	Bậc 4
33	TA0034	4	2.5	5	3	3.5	Không Xét
34	TA0035	4.5	4	6	4	4.5	Bậc 3
35	TA0036	5	7	3	3	4.5	Bậc 3
36	TA0037	5.5	6.5	6	7	6.5	Bậc 4
37	TA0038	9.5	9.5	7.5	7.5	8.5	Bậc 5
38	TA0039	2	4	2.5	3	3	Không Xét
39	TA0040	5.5	6.5	4	6	5.5	Bậc 3
40	TA0041	4	7.5	4	2.5	4.5	Bậc 3
41	TA0042	6	5	5	6	5.5	Bậc 3
42	TA0044	3.5	5	2	1	3	Không Xét
43	TA0045	4	6.5	6	5	5.5	Bậc 3
44	TA0046	8	8	5.5	6	7	Bậc 4
45	TA0047	5	8	8	7.5	7	Bậc 4
46	TA0048	3	7	4	3	4.5	Bậc 3
47	TA0049	3.5	5	3.5	1.5	3.5	Không Xét
48	TA0050	6	7.5	3	5	5.5	Bậc 3
49	TA0052	6.5	7.5	7.5	5	6.5	Bậc 4

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
50	TA0053	2.5	6.5	3	4	4	Bậc 3
51	TA0054	6	8.5	7.5	8	7.5	Bậc 4
52	TA0055	3.5	5	3.5	4	4	Bậc 3
53	TA0056	5	5.5	1.5	3	4	Bậc 3
54	TA0057	4	3	3	2.5	3	Không Xét
55	TA0058	3.5	6.5	6	4.5	5	Bậc 3
56	TA0059	3.5	5.5	7	5.5	5.5	Bậc 3
57	TA0060	7.5	8	8.5	7.5	8	Bậc 4
58	TA0061	3	6.5	6	7	5.5	Bậc 3
59	TA0063	3.5	4.5	5.5	3.5	4.5	Bậc 3
60	TA0064	5	3.5	5.5	4.5	4.5	Bậc 3
61	TA0065	4.5	5.5	4	3.5	4.5	Bậc 3
62	TA0066	6	6.5	6.5	7	6.5	Bậc 4
63	TA0067	3.5	6	6.5	5	5.5	Bậc 3
64	TA0068	6	6.5	3.5	5.5	5.5	Bậc 3
65	TA0069	3.5	4.5	2.5	2	3	Không Xét
66	TA0070	3.5	4.5	5.5	5	4.5	Bậc 3
67	TA0071	3	6.5	5.5	4.5	5	Bậc 3
68	TA0072	8	8.5	8	8	8	Bậc 4
69	TA0073	5	5	4	4.5	4.5	Bậc 3
70	TA0074	3.5	6.5	5	4	5	Bậc 3
71	TA0075	4	6	7	4.5	5.5	Bậc 3
72	TA0076	9.5	9	7	7.5	8.5	Bậc 5
73	TA0077	5	4	4	2.5	4	Bậc 3
74	TA0078	3.5	5.5	5.5	5.5	5	Bậc 3
75	TA0079	5.5	5.5	5.5	4.5	5.5	Bậc 3
76	TA0080	3.5	6.5	5	5.5	5	Bậc 3
77	TA0081	8.5	7.5	8.5	5	7.5	Bậc 4
78	TA0082	3	4.5	1.5	3.5	3	Không Xét
79	TA0083	6	8.5	8.5	6	7.5	Bậc 4
80	TA0084	4.5	5	7	5	5.5	Bậc 3
81	TA0085	8	8.5	6.5	2.5	6.5	Bậc 4
82	TA0086	6	7	7.5	8.5	7.5	Bậc 4
83	TA0087	4	6.5	6.5	6	6	Bậc 4
84	TA0088	2	6	1	3	3	Không Xét
85	TA0090	3	3.5	5.5	4	4	Bậc 3
86	TA0091	2	6	2	1	3	Không Xét
87	TA0092	6.5	7.5	6.5	7.5	7	Bậc 4
88	TA0093	8	5.5	6	5.5	6.5	Bậc 4
89	TA0094	3	6	5	4.5	4.5	Bậc 3
90	TA0096	7	6	5	5.5	6	Bậc 4
91	TA0097	5.5	7	5	4	5.5	Bậc 3
92	TA0098	3.5	6	2	1.5	3.5	Không Xét
93	TA0099	3.5	4	6	4.5	4.5	Bậc 3
94	TA0100	3	4	0.5	1	2	Không Xét
95	TA0101	4.5	6	6	4	5	Bậc 3
96	TA0102	4.5	6	5	4.5	5	Bậc 3
97	TA0103	5.5	6.5	4.5	8	6	Bậc 4
98	TA0104	5.5	6	6.5	7	6.5	Bậc 4
99	TA0105	5.5	4	3.5	4	4.5	Bậc 3
100	TA0106	6	6.5	5	7	6	Bậc 4
101	TA0108	7	7	8	6	7	Bậc 4

STT	SBD	L	R	W	S	TỔNG ĐIỂM	KẾT QUẢ
102	TA0110	4.5	6	5.5	4	5	Bậc 3
103	TA0111	8	8	6.5	8.5	8	Bậc 4
104	TA0112	6	6	6.5	7	6.5	Bậc 4
105	TA0114	4	7.5	6.5	6	6	Bậc 4
106	TA0115	3	5	4	5	4.5	Bậc 3
107	TA0116	5	7.5	4.5	6	6	Bậc 4
108	TA0117	4	7	6.5	7	6	Bậc 4
109	TA0118	5.5	6	5	3.5	5	Bậc 3
110	TA0120	3	4	1.5	1.5	2.5	Không Xét
111	TA0121	6.5	6.5	5	5	6	Bậc 4
112	TA0122	3	3	1	3	2.5	Không Xét
113	TA0123	5	6.5	5	4	5	Bậc 3
114	TA0124	5.5	6.5	6.5	6	6	Bậc 4
115	TA0125	4	5	2.5	4.5	4	Bậc 3

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Tổng số thí sinh đăng ký dự thi: 126

Tổng số thí sinh dự thi: 115

Số thí sinh vắng: 11

Số thí sinh đạt bậc 3: 53

Số thí sinh đạt bậc 4: 39

Số thí sinh đạt bậc 5: 2

Số thí sinh không xét: 21

Thang điểm theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam được tính như sau:

Điểm từ 0 - 3.5: không xét bậc trình độ và không được cấp chứng chỉ

Điểm từ 4.0 - 5.5: Đạt bậc 3

Điểm từ 6.0 - 8.0: Đạt bậc 4

Điểm từ 8.5 - 10: Đạt bậc 5